

XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI MỘT TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM

*Phùng Đức Thắng**

1. *Xoá đói giảm nghèo* là một vấn đề mang tính toàn cầu, nhất là đối với các nước chưa phát triển và đang phát triển. Ở Việt Nam, cùng với chủ trương *giải quyết việc làm và đền ơn đáp nghĩa*, xoá đói giảm nghèo đang là mối quan tâm của cả cộng đồng xã hội. Đảng và Chính phủ Việt Nam đã đề ra đường lối, hoạch định chính sách, xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo cho cả nước, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Ngày 31-7-1998, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã ra Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg, *Phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế-xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu vùng xa*, gọi tắt là *Chương trình 135*.

Tỉnh Bắc Kạn, mà chúng tôi chọn để thực hiện đề tài này là một tỉnh được xếp vào loại nghèo nhất Việt Nam. Ngày 1-1-1997, tỉnh Bắc Kạn chính thức được tái lập từ tỉnh Bắc Thái. Các huyện Ngân Sơn, Ba Bể (Chợ Rã) thuộc Cao Bằng tái nhập lại vào tỉnh Bắc Kạn. Tháng 8-1998, thành lập thêm huyện Chợ Mới trên cơ sở tách từ phần đất phía nam huyện Bạch Thông. Ngày 28-5-2003, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 56/2003/NĐ-CP, về việc thành lập huyện Pác Nặm trên cơ sở tách ra từ huyện Ba Bể. Như vậy, trải qua không ít những thay đổi về mặt địa dư hành chính, hiện nay tỉnh Bắc Kạn được chia thành 7 đơn vị hành chính bao gồm 6 huyện là Bạch Thông, Chợ Đồn, Chợ Mới, Ba Bể, Pác Nặm, Ngân Sơn, Na Rì và thị xã Bắc Kạn. Về dân cư, Bắc Kạn có trên 28 vạn người, là tỉnh có hơn 80% là đồng bào các dân tộc thiểu số cư trú bao gồm người Tày, Nùng, Dao, Hoa, Mông, Sán Chay. Người Kinh chiếm gần 20%. Về địa hình, Bắc Kạn là một tỉnh miền núi. Đất đai chủ yếu là rừng đồi. Bắc Kạn có 301.722,78 ha rừng, trong đó rừng tự nhiên chiếm 89,60% tổng diện tích, rừng trồng chiếm 10,40%. Rừng được phân bố ở tất cả các huyện và thị xã.

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Bắc Kạn có mạng lưới sông suối khá dày đặc, trong đó có những sông lớn như sông Cầu, sông Năng. Bắc Kạn có hồ Ba Bể là hồ nước ngọt nổi tiếng về cảnh quan môi trường, chứa đựng tiềm năng du lịch lớn.

Bắc Kạn là tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn, kinh tế chậm phát triển. Bắc Kạn cũng là một trong 5 tỉnh có tỉ lệ hộ đói nghèo trên 20% (các tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Lai Châu và Kom Tum). Toàn tỉnh có 103/122 xã, phường, thị trấn thuộc diện *Chương trình 135*. Tổng thu ngân sách năm tài chính 2003 mới đạt 37 tỉ đồng, trong khi mức chi là hơn 600 tỉ đồng. Chương trình xoá đói giảm nghèo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

2. Chủ trương thiết thực xoá đói giảm nghèo của tỉnh Bắc Kạn tập trung vào giải pháp chủ yếu là *phát huy sức mạnh cộng đồng* nhằm tạo ra một phong trào quần chúng sâu rộng.

a. Phát huy sức mạnh cộng đồng để xoá đói giảm nghèo, trước hết phải bắt đầu từ nhận thức của các cấp ủy Đảng và chính quyền để từ đó có chủ trương thống nhất trong chỉ đạo và xây dựng chương trình xoá đói giảm nghèo cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Ngày 15-1-2003, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã ra Quyết định số 109/2003/QĐ-UB, về việc *Phê duyệt chương trình xoá đói giảm nghèo 2001-2005*. Sau đó, Hội đồng Nhân dân tỉnh cũng đề ra phương hướng và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có nội dung quan trọng là công tác xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm. Thực hiện chủ trương của lãnh đạo tỉnh, chính quyền các huyện và thị xã đều tổ chức hội nghị họp bàn và ra nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, trong đó luôn luôn ưu tiên cho chương trình xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm. Chính quyền các huyện Chợ Đồn, Chợ Mới, Ba Bể đã có nghị quyết chuyên đề về công tác xoá đói giảm nghèo với những mục tiêu và giải pháp phù hợp với thực tế của từng địa phương. Từ tỉnh đến cơ sở đều có bộ máy tổ chức chỉ đạo thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo. Toàn tỉnh có 122/122 xã, phường, thị trấn thành lập ban chỉ đạo xoá đói giảm nghèo.

Trong chỉ đạo thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo, các cấp chính quyền tỉnh Bắc Kạn đã thường xuyên cập nhật số hộ nghèo tăng giảm qua các năm, tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân về chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về chương trình xoá đói giảm nghèo, đặc biệt là các dự án cụ thể, thiết thực, giúp bà con các dân tộc thoát khỏi đói nghèo và nâng cao đời sống về mọi mặt. Các cấp chính quyền cũng luôn luôn chăm lo công tác đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ, nhân viên làm công tác xoá đói giảm nghèo, nhất là đào tạo các kỹ năng để tổ chức thực hiện chương trình có hiệu quả. Nhiều cán bộ có năng lực được tăng cường đến các xã đặc biệt khó khăn để tìm ra những giải pháp thiết thực, có hiệu quả, giúp dân

cách làm ăn mới, tiếp cận với tiến bộ khoa học kỹ thuật. Lãnh đạo tỉnh đã chỉ đạo phân vùng kinh tế, cơ cấu ngành nghề cho phù hợp với các địa phương, tạo môi trường xoá đói giảm nghèo bền vững, xây dựng và nhân rộng các mô hình điển hình về xoá đói giảm nghèo, gắn việc đầu tư cho người nghèo vay vốn với chuyển giao khoa học kỹ thuật một cách đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi để người nghèo tiếp cận với các dịch vụ cơ bản để phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập, vươn lên thoát khỏi đói nghèo.

b. Phát huy sức mạnh cộng đồng là buy động mọi tiềm năng, thế mạnh và ý thức trách nhiệm của mọi ban ngành, đoàn thể, hệ thống chính trị, của các thành phần kinh tế, của mọi người dân thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo. Trong bài viết này chỉ xin nêu những đóng góp của một số lĩnh vực như ngân hàng chính sách xã hội, quỹ hỗ trợ phát triển, hệ thống các doanh nghiệp, các ngành bưu chính viễn thông, giáo dục, y tế, đài phát thanh truyền hình và đặc biệt là ngành giao thông vận tải của tỉnh Bắc Kạn tham gia chương trình xoá đói giảm nghèo.

Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Kạn những năm qua bằng những hoạt động rất tích cực đã đóng góp một phần không nhỏ trong công tác xoá đói giảm nghèo. Ngày 4-1-2002, thực hiện Quyết định số 131/2002-QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam được thành lập để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên cơ sở tổ chức lại Ngân hàng phục vụ người nghèo. Ngày 14-1-2003, Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam đã có Quyết định số 36, thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Kạn. Đây là cơ hội để Ngân hàng phục vụ người nghèo tỉnh Bắc Kạn mở rộng quy mô hoạt động và phạm vi, đối tượng phục vụ, đóng góp tích cực hơn nữa vào quá trình phát triển kinh tế-xã hội và thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo của địa phương.

Nhằm tạo điều kiện cho các hộ nghèo có vốn sản xuất, có công ăn việc làm để tăng thu nhập, từng bước làm quen với nền sản xuất hàng hoá, hội nhập cơ chế thị trường. Những năm qua, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Kạn đã chuyển hơn 800 tỷ đồng đến 122 xã, phường, thị trấn và cho hơn 40.000 lượt hộ vay vốn mua sắm vật tư, phân bón, giống cây trồng vật nuôi, khai hoang phục hoá, cải tạo đồng ruộng, trồng rừng... Theo số liệu báo cáo của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Kạn, tính đến 31-12-2002, Bắc Kạn đã có hơn 3.100 hộ thoát khỏi nghèo đói nhờ vay vốn sản xuất của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh. Riêng năm 2002, thông qua nguồn vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội, Bắc Kạn có hơn 100 hộ thoát nghèo và hàng nghìn hộ khác có vốn phát triển sản xuất, có cơ hội làm giàu. Thực tiễn những năm qua cho thấy, nguồn vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Bắc Kạn không chỉ góp phần xoá đói giảm nghèo mà còn góp phần xoá bỏ tình trạng cho vay nặng lãi ở các vùng nông thôn

tại địa phương. Trên cơ sở đó thực hiện công bằng, bình đẳng và lành mạnh hoá quan hệ xã hội, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường và củng cố khối đoàn kết trong nhân dân.

Quỹ hỗ trợ phát triển Bắc Kạn tuy mới được thành lập 4 năm nay, đã triển khai cho vay bằng vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước được 40 dự án với tổng số vốn cho vay là 40.677 triệu đồng, trong đó có 36 dự án kinh tế tư nhân với tổng số vốn cho vay là 10.385 triệu đồng, 3 dự án kinh tế nhà nước với tổng số vốn cho vay là 2.292 triệu đồng, 1 dự án thuộc chương trình kiên cố hoá kênh mương với tổng số vốn cho vay là 28.000 triệu đồng. Quỹ hỗ trợ phát triển cũng thu hút được 9.440 triệu đồng vốn tự có của các chủ đầu tư góp phần giải quyết việc làm cho nhiều lao động, tăng ngân sách hơn 1,5 tỉ đồng/năm; kiên cố hoá 147 km kênh mương, nâng năng lực tưới tiêu lên 2.035 ha. Quỹ hỗ trợ phát triển đã tích cực góp phần vào chương trình xoá đói giảm nghèo của tỉnh Bắc Kạn.

Hệ thống các doanh nghiệp trên toàn tỉnh Bắc Kạn tính đến cuối năm 2002 có 134 doanh nghiệp tư nhân, 14 doanh nghiệp nhà nước và 2 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Hệ thống doanh nghiệp ngoài quốc doanh phát triển khá nhanh và hoạt động chủ yếu trên các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng (61%), du lịch, dịch vụ (29%), nông nghiệp, lâm nghiệp (10%). Hệ thống các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đã góp phần làm thay đổi những hoạt động kinh tế, tạo ra hàng nghìn công ăn việc làm cho người lao động.

Bưu điện Bắc Kạn nằm trong mạng lưới viễn thông quốc gia và quốc tế, đang từng bước phát triển rộng khắp và hiện đại. Bưu điện tỉnh Bắc Kạn đã có mạng chuyển mạch gồm 13 tổng đài điện tử kỹ thuật số với dung lượng 8.000 số trải đều trong tỉnh: 2 tuyến truyền dẫn bằng cáp quang là tuyến Bắc Kạn - Hà Nội, Bắc Kạn - Chợ Đồn. 100% các tuyến còn lại đều sử dụng mạng vi ba. Mạng ngoại vi được phát triển nhanh chóng, đáp ứng nhu cầu sử dụng máy điện thoại ngày càng tăng. Tính đến hết năm 2002, toàn tỉnh có 4 huyện, thị có mạng thông tin di động là thị xã Bắc Kạn, Bạch Thông, Ba Bể, Na Rì. 60 điểm điện thoại thẻ tạo thuận lợi cho người sử dụng dịch vụ này. Toàn tỉnh đã có 110/122 xã, phường, thị trấn có thông tin điện thoại, với tổng số máy điện thoại là 6.500, đạt mật độ 2,3 máy trên 100 dân.

Ngành giáo dục và đào tạo của tỉnh Bắc Kạn đã có những bước chuyển biến mạnh, quy mô giáo dục không ngừng tăng lên, hệ thống giáo dục tiếp tục hoàn chỉnh, mạng lưới trường lớp được mở rộng đến khắp bản làng, các loại hình giáo dục phát triển đa dạng, đáp ứng được phần lớn nhu cầu học tập của nhân dân trong tỉnh. Hệ thống giáo dục mầm non đã phủ khắp các xã với tỷ lệ huy động trẻ đến lớp cao hơn chỉ tiêu chung của cả nước. Tỉnh đã hoàn thành giáo dục phổ cập tiểu học - xoá mù chữ vào năm 1998, sớm hơn so với trung bình cả nước. Đến hết năm 2002, toàn tỉnh có 40 đơn vị, xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (vượt

10 đơn vị so với kế hoạch). Các đơn vị còn lại vẫn tiếp tục duy trì các lớp bổ túc văn hoá và dự kiến đến năm 2005 toàn tỉnh đạt chuẩn phổ cập cho cấp học này.

Bên cạnh đó, việc xây dựng cơ sở vật chất trường học tạm giảm từ 71% (năm 1997) còn 10% (năm 2002), không còn phòng học 3 ca và làm mới được 235 phòng học và 4.152 chỗ ngồi. Kỹ cương, nền nếp trong các trường học được giữ vững, các tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường đã bị ngăn chặn và đẩy lùi. Với những thành tích xuất sắc này, trong 3 năm 2000-2002, ngành giáo dục và đào tạo Bắc Kạn đã được Chính phủ tặng cờ “Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua”.

Ngành y tế Bắc Kạn đã xây dựng mạng lưới và cán bộ y tế cơ sở rộng khắp trên toàn tỉnh. 100% xã có cán bộ y tế và trạm y tế. 1.044/1.371 thôn có cán bộ y tế. Đội ngũ cán bộ y tế và chất lượng khám chữa bệnh cũng được nâng lên. Chỉ riêng năm 2002, ngành đã tuyển dụng 43 cán bộ, nâng tổng số cán bộ nhân viên toàn ngành lên 1.022 người, trong đó tuyển huyện có 354 người, tuyển xã có 381 người. Hiện nay, ngành có 34 bác sĩ chuyên khoa có trình độ sau đại học và 255 bác sĩ. 100% trạm y tế xã đã có nữ hộ sinh và y sĩ sản nhi, duy trì chế độ trực 24/24 giờ trong ngày. Toàn tỉnh có 44 bác sĩ hoạt động tại tuyến xã. Đây là một nỗ lực lớn trong công tác tổ chức cán bộ của ngành để góp phần chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân, đẩy lùi đói nghèo và lạc hậu. Kết quả khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo tỉnh Bắc Kạn năm 2003 như sau:

Quý	Lượt người	Kinh phí
1	9.798	613.735.399 VND
2	9.807	599.066.297 VND
3	17.901	1.070.422.549 VND
4	30.000	2.454.000.000 VND
Cả năm	67.506	4.737.224.245 VND

Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Bắc Kạn mặc dù còn gặp nhiều khó khăn do thiếu nguồn nhân lực và kinh phí, phương tiện kỹ thuật nhưng vẫn thực hiện tốt chương trình mục tiêu đưa sóng phát thanh, truyền hình của Chính phủ đến với nhân dân các dân tộc vùng sâu, vùng xa. Đây là nỗ lực của tập thể cán bộ kỹ thuật đài tỉnh, cùng lãnh đạo các huyện, các đài phát thanh truyền hình, truyền thanh huyện, xã đã vượt đèo, suối đến các vùng sâu, vùng cao nắm bắt tình hình thực tế, xác định địa điểm và lên các phương án, kế hoạch đầu tư sao cho sát thực và hiệu quả.

Với những cố gắng không ngừng, từ năm 1997 đến năm 2003, cán bộ kỹ thuật viên của đài phát thanh, truyền hình các huyện, thị cấp phát 11.053 tivi các loại, xây dựng 12 trạm phát lại truyền hình, lắp đặt 60 bộ thu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh (TVRO) với tổng giá trị gần 7 tỷ đồng. Về công tác triển khai chương trình mục tiêu phát thanh, từ năm 1997 đến năm 2001, Đài đã thực hiện cấp phát 6.372 chiếc radiô. Trong giai đoạn tiếp theo (2001-2003), Đài đã xây dựng thêm 20 trạm truyền thanh hữu tuyến, 1 trạm truyền thanh FM và nâng cấp 1 trạm truyền thanh với tổng kinh phí là 1,96 tỷ đồng. Ngoài ra, đơn vị còn tổ chức bán trợ giá máy thu thanh cho đồng bào vùng III theo chương trình của Ủy ban Dân tộc và miền núi với tổng giá trị 1,5 tỷ đồng.

Xây dựng, nâng cấp hệ thống đường giao thông. Thực tế đã cho thấy rõ đường giao thông vươn tới đâu thì đời sống nghèo có khả năng bị đẩy lùi đến đấy. Ngày đầu được tái lập, toàn tỉnh Bắc Kạn có 16 xã chưa có đường ô tô đến trung tâm, hàng hoá chủ yếu được vận chuyển trên những con đường mòn khai thác lâm sản và đường dân sinh. Vì thế việc đi lại hết sức khó khăn và nguy hiểm. Hệ thống tỉnh lộ chỉ có 3 con đường, đó là tỉnh lộ 256 từ thị xã Bắc Kạn đến Na Rì, thuộc đường cấp 5, trước khi tách tỉnh đã xuống cấp nghiêm trọng; tỉnh lộ 257 từ thị xã Bắc Kạn đi Chợ Đồn, đường cấp 6 với chiều dài 45 km, đường hẹp, quanh co liên tục; tỉnh lộ 258 từ thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông đi Ba Bể, đường cấp 6 với chiều dài 60km, đường dốc, quanh co. Hệ thống cầu đã cũ, không đáp ứng được yêu cầu đi lại và vận chuyển hàng hoá, một số nơi phải vượt sông bằng cầu treo. Với ngành vận tải, toàn huyện chỉ có 60 ô tô, hệ thống bến bãi sơ sài, chật hẹp và cơ sở hạ tầng hầu như không có gì.

Đến nay, sau 7 năm tái lập tỉnh, hệ thống giao thông vận tải đã được tập trung phát triển mạnh, tạo nên các huyết mạch quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hệ thống đường từ tỉnh đến huyện đã được nâng cấp, trải nhựa, mở rộng và xây mới hoàn chỉnh. Đường 256 được nâng lên thành quốc lộ nối liền thị xã Bắc Kạn đến huyện Na Rì và tỉnh Lạng Sơn. Tỉnh lộ từ trung tâm đến tận các xã đã từng bước được hoàn thiện. Hệ thống cầu đã được xây mới kiên cố như cầu Thác Dền với tổng vốn đầu tư 17 tỷ đồng, cầu Pát Danh với tổng vốn đầu tư 14 tỷ đồng, cầu Hảo Nghĩa, cầu Dương Quang, cầu Thanh Bình, cầu phà 1 trên quốc lộ 3 đảm bảo cho xe tải trọng lớn đi trong mùa mưa không bị ách tắc; cầu phà 2 là cầu cửa ngõ của Bắc Kạn, dự kiến đến tháng 6 năm 2004 sẽ được hoàn thành. Hiện tại, toàn tỉnh chỉ còn 5 xã là các xã Cổ Linh, Cao Tân, Cao Thượng, Hoàng Trì, Đồng Phúc ở 2 huyện Pác Nặm và Ba Bể với địa hình rừng núi đặc biệt khó khăn là chưa có đường trung tâm xã. Nhưng ngành giao thông vận tải tỉnh Bắc Kạn đang có kế hoạch thực hiện trong thời gian ngắn nhất làm đường ô tô đến tất cả các xã còn lại. Ngoài 2 tuyến đường quốc lộ số 3 và 257 nối liền Bắc Kạn với các tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn, đường tỉnh lộ 256 từ thị xã Bắc Kạn đi Chợ

Đồn cũng đã được kéo dài tới huyện Ba Bể và các huyện Định Hoá của Thái Nguyên, Chiêm Hoá của Tuyên Quang.

3. Kinh nghiệm thiết thực nhất trong quá trình thực hiện xóa đói giảm nghèo ở tỉnh Bắc Kạn là *phát huy có hiệu quả tiềm năng kinh tế vườn rừng (đôi)* vùng dân tộc thiểu số để đồng bào có thể tự xóa đói giảm nghèo và phát triển một cách bền vững. Trong những năm qua, nhiều mô hình nông dân tỉnh Bắc Kạn làm ăn có hiệu quả, từ đồng vốn ban đầu rất ít ỏi, đã quyết tâm tìm tòi, học tập, sáng tạo, tự vươn lên thoát khỏi đói nghèo và từng bước làm giàu cho bản thân mình và cho xã hội. Chúng tôi xin nêu một vài trường hợp chưa hẳn là thật tiêu biểu:

Anh Lăng Văn Mưu, một cựu chiến binh ở huyện Ba Bể, đã quyết định chọn cây hồng không hạt - một loại cây đặc sản truyền thống của vùng Ba Bể - làm cây trồng chủ đạo trong mô hình kinh tế của gia đình. Bởi cây hồng không hạt là loại quả đặc sản có giá trị kinh tế cao được người dân ưa chuộng, thị trường tiêu thụ rộng lớn. Nhờ sự nâng niu chăm sóc mà từ 2 cây hồng đi xin được đến vườn hồng nhà anh mỗi năm mỗi lớn. Đến nay, trong vườn nhà anh đã có hàng trăm gốc hồng đang thời kỳ cho trái thu hoạch và một khu vườn ươm lên đến hàng vạn cây để cung cấp giống cho các cơ sở sản xuất và bà con nông dân trong tỉnh. Nguồn thu từ cây hồng của gia đình anh mỗi năm cũng được 15 - 20 triệu đồng. Hiện nay, gia đình anh có hơn 2 ha đất vườn đôi trồng cây ăn quả, hơn 2 ha dùng để trồng trúc và khoảng 2000m² đất bãi trồng mía. Tổng thu nhập hàng năm từ kinh tế vườn đôi cũng đạt hơn 30 triệu đồng. Con số này chưa phản ánh hết những nỗ lực, cố gắng của các thành viên trong gia đình anh Mưu trong quyết tâm làm kinh tế xóa đói giảm nghèo, nhưng nó đã thể hiện được sự năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm của người nông dân trong việc thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả kinh tế, cải thiện đời sống.

Ông Hoàng Tiến Lược, một trong những người có công lớn trong việc phát triển kinh tế theo mô hình VAR (vườn - ao - rừng) tại huyện Chợ Đồn. Tổng diện tích chân vườn rừng của ông Lược gồm 4000m², trong đó có 2.800m² trồng cây ăn quả, chủ yếu là quýt, xoài, nhãn, vải, mận; dưới lớp cây ăn quả là những hàng sắn và cỏ voi (một nguồn thức ăn nuôi cá) được kết hợp trồng xen. 1.200m² còn lại dưới chân núi, tận dụng những khe suối sẵn có, ông đắp những ao ngăn khe để nuôi thả cá, bước đầu tiên tập trung nuôi thả các loại cá trôi, chép, mè, trắm cỏ... Biết tận dụng và phát huy thế mạnh vườn rừng, từ một hộ nghèo, thu nhập bình quân cho gia đình 4 người chỉ có 400.000 đồng/tháng, gia đình ông Lược đã vươn lên bằng sức lao động của chính mình, trở thành một trong những gia đình khá giả với thu nhập xấp xỉ 2,5 triệu đồng/tháng.

Anh Hoàng Văn Danb, thôn Khuổi Cự, xã Phương Linh, huyện Bạch Thông, với diện tích đất gần 8 ha, trong đó đã có 1 ha cây đã đến tuổi

khai thác, 2,5 ha vườn cây ăn quả gồm 1000 cây chanh, 800 cây cam, quýt, 150 cây vải, nhãn, 150 cây mận, hồng và 4,5 ha rừng cây mỡ được trồng theo dự án PAM 5352, kết hợp với trồng trọt là chăn nuôi 35 bọ ong mật. Mô hình này đã mở ra hướng phát triển kinh tế mang tính đột phá không chỉ đối với gia đình anh Danh mà còn với cả thôn Khuổi Cụ, xã Phương Linh trong thời kỳ đổi mới.

Từ việc kết hợp làm kinh tế nông - lâm nghiệp đến phát triển theo mô hình trang trại, thu nhập của gia đình anh đã tăng từ 30 triệu đồng (năm 2000) lên 40 triệu đồng (năm 2002). Tuy những con số này nếu đem so sánh với địa phương khác thì chưa có gì để nói, nhưng ở một tỉnh miền núi còn đói nghèo, một huyện có 70% số xã thuộc diện *Chương trình 135* (chiếm tỷ lệ cao nhất trong tỉnh) thì đây là một con số thực sự đáng trân trọng.

4. Tổng hợp số hộ nghèo đến ngày 31 tháng 2 năm 2003

STT	Đơn vị	Số hộ nghèo năm 2002			Số hộ nghèo năm 2003		
		Tổng số hộ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ %	Tổng số hộ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ %
1	TX Bắc Kạn	7.119	854	12,00	7.081	1.022	14,43
2	H. Bạch Thông	6.693	2.017	30,13	6.576	1.484	21,97
3	H. Chợ Mới	7.641	2.154	28,19	7.766	1.530	19,70
4	H. Chợ Đồn	9.797	3.039	31,01	10.131	2.452	24,81
5	H. Ngân Sơn	5.344	1.517	28,39	5.501	1.364	24,49
6	H. Ba Bể	13.495	3.915	29,01	9.199	1.889	20,53
7	H. Pác Nặm				4.597	1.366	32,23
8	H. Na Rì	7.037	1.387	19,11	7.577	1.497	19,51
	Toàn tỉnh	57.126	14.883	26,05	58.608	12.602	21,50

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Cục Thống kê Bắc Kạn: *Niên giám thống kê năm 2000*.
2. Cục Thống kê Bắc Kạn: *Niên giám thống kê năm 2001*.
3. Cục Thống kê Bắc Kạn: *Niên giám thống kê năm 2002*.
4. Cục Thống kê Bắc Kạn: *Niên giám thống kê năm 2003*.
5. *Bắc Kạn, thế và lực trong thế kỷ XXI*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.